

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2023.

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cạn Ngọn A, xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cạn V, xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D (sau đây gọi tắt là anh T, chị D) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương

tháng 7/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày 21/8/2013. Vợ chồng anh T, chị D chung sống hạnh phúc được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến anh T dùng bạo lực đối với chị D. Nhiều lần vợ chồng anh T, chị D hàn gắn nhưng không thành, nên ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh T yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị D có 01 người con chung Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 15/02/2018, hiện con chung Nguyễn Gia Hưng đang sống với chị D. Khi ly hôn anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia Hưng mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T làm nghề thợ hàn tiền chế nhà, có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, đảm bảo đủ tiền cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Gia Hưng.

Về chia tài sản chung: Anh T, chị D không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D xác định lời trình bày của anh T là đúng. Tuy nhiên, anh T yêu cầu ly hôn chị không đồng ý, vì chị còn thương anh T. Mặc dù, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra cự cãi, anh T có dùng bạo lực đối với chị. Sự việc nhiều lần cũng được vợ chồng và cha mẹ hai bên hàn gắn mâu thuẫn của vợ chồng nhưng không thành, nên ly thân từ tháng 9/2022 đến nay; về con chung anh T, chị D có 01 người con chung Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 15/02/2018. Khi ly hôn anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia Hưng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị D đồng ý; về chia tài sản chung không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị D, do bất đồng quan điểm sống, chị D tự quyết định mọi việc trong gia đình, không tôn trọng anh nên vợ chồng ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, hiện vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia Hưng mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi; về chia tài sản chung không có.

Bị đơn chị D không đồng ý ly hôn với anh T, do chị vẫn còn thương anh T. Tuy thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi, anh T có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, có dùng bạo lực đối với chị D.

Về con chung: Anh T giao con chung Nguyễn Gia Hưng cho chị nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia Hưng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị D đồng ý.

Về chia tài sản chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị D. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. *Nội dung vụ án*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày 21/8/2013 nên hôn nhân của anh T, chị D là hợp pháp. Lý do anh T xin ly hôn là do trong thời gian chung sống vợ chồng anh T, chị D luôn bất đồng ý kiến, thường xảy ra cự cãi, mỗi người một ý, chị D tự quyết định mọi việc trong gia đình, vợ chồng chung sống mà không tin tưởng nhau, dẫn đến anh T dùng bạo lực đối với chị D.

Tại phiên Tòa chị D thừa nhận lời trình bày của anh T là đúng. Thời gian chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra cự cãi, anh T có dùng bạo lực đối với chị, nên vợ chồng ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Hiện anh T có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, bỏ mặc mẹ con chị D hơn 08 tháng nay không quan tâm, anh T yêu cầu ly hôn chị không đồng ý, vì còn anh T và muốn con có cha.

Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Út (mẹ ruột anh T) trình bày: Hiện anh T đang chung sống với một người phụ nữ khác, bà không chấp nhận, bà chỉ thừa nhận chị D là con dâu. Anh T yêu cầu ly hôn với chị D, gia đình bà nhiều lần hàn gắn nhưng anh T không thay đổi, việc này bà không ý kiến, bà để HĐXX xem xét.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T, chị D là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc, để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẻ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau từ tháng 9/2022 đến nay cả hai không liên lạc với nhau, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho anh T

được ly hôn với chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T, chị D, giao con chung Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 15/02/2018 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia Hưng mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Gia Hưng đủ 18 tuổi. Các bên thống nhất với phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 tây. Bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 05/8/2023.

Về chia tài sản chung: Anh T, chị D không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền anh T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số: 0005920 ngày 10/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G. Như vậy, anh T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 15/02/2018 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia Hưng mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Gia Hưng đủ 18 tuổi. Bắt đầu cấp dưỡng ngày 05/8/2023. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 05 tây.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Anh T, chị D không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền anh T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số: 0005920 ngày 10/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G. Như vậy, anh T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng